

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TAM KỲ
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 174/2023/DS-ST

Ngày 18-8-2023

“V/v tranh chấp hợp đồng
cầm cố tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM KỲ, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Khôi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Tình

Ông Trịnh Huy Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Luông - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Hà Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 119/2023/TLST-DS ngày 22-5-2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2023/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2023/QĐST-DS ngày 19-7-2023; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH S Việt Nam. Do ông Prart Jetjumnong, chức vụ: Tổng giám đốc làm đại diện. Địa chỉ trụ sở: 128 Nguyễn D, phường Bến Th, thành phố V, tỉnh Nghệ A;

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Võ Sỹ Th, sinh năm 1992, địa chỉ: Tổ dân phố Hương An Đ, thị trấn Hương An, huyện Quế S, tỉnh Quảng N, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Thanh Tr, sinh năm 1966, địa chỉ: 501 Hùng V, phường An S, thành phố Tam K, tỉnh Quảng N, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai tiếp theo tại bản tự khai và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Võ Sỹ Thái trình bày:

Vào ngày 01-9-2021 ông Lê Thanh Tr đã thỏa thuận ký hợp đồng cầm cố tài sản với Công ty TNHH S Việt Nam. Theo đó, ông Tr thỏa thuận cầm cố chiếc xe máy Honda SH Mode mang biển số 92B1-255.62, số khung RLHJF511FY221742, số máy JF51E0366311. Sau đó, ông Tr có nhu cầu mượn lại xe để sử dụng nên phía Công ty đã làm giấy cho mượn xe, ông Tr đã ký mượn và nhận lại xe máy nói trên.

Đến nay ông Tr không trả đủ tiền cho Công ty. Đã nhiều lần nhân viên Công ty đến nhà ông Tr nhưng ông Tr không hợp tác làm việc, ông Tr không cung cấp thông tin về chiếc xe máy rõ ràng, hiện tại Công ty không xác định được tài sản chiếc xe máy ông đã cầm cố đang ở đâu. Hạn trả nợ đã trễ và chậm thanh toán tiền cho Công ty mà ông Tr vẫn không giao tài sản là chiếc xe máy đã cầm cố mà ông đã mượn lại của Công ty.

Nay Công ty TNHH S Việt Nam yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Tr có nghĩa vụ thanh toán cả tiền gốc lẫn lãi thông qua hợp đồng cầm cố tài sản cho Công ty TNHH S Việt Nam là 17.700.000 đồng, trong đó nợ gốc 13.648.000 đồng, tiền lãi 4.052.000 đồng như đơn khởi kiện trước đây. Do không phát sinh thêm tiền lãi nên không yêu cầu ông Tr trả tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ.

Đối với chiếc xe Honda SH Mode mang biển số 92B1-255.62, số khung RLHJF511FY221742, số máy JF51E0366311 cầm cố mà phía bị đơn đã mượn lại, ông Tr khai bị mất và hiện nay Công ty cũng không biết được chiếc xe này ở đâu nên không yêu cầu gì liên quan đến chiếc xe nói trên mà chỉ yêu cầu ông Tr trả lại số tiền còn nợ nêu trên cho Công ty.

Tại bản trình bày ý kiến và tại phiên tòa ông Tr trình bày:

Vào tháng 9-2021 ông có làm hợp đồng vay vốn tại Công ty TNHH S Việt Nam với số tiền là 16.900.000 đồng, có thể chấp giấy đăng ký xe mang tên Lê Thanh Tr để làm hợp đồng cầm cố với Công ty TNHH S Việt Nam. Lúc đó, nhân viên Công ty đưa cho ông Hợp đồng để ký, nhưng do không đọc hết hợp đồng, sau khi ký xong thì nhân viên mang hợp đồng về Công ty tại địa chỉ thị trấn Hương An, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam và có điện thoại nói với ông phải mua bảo hiểm hết 1.000.000 đồng và ông chỉ nhận số tiền còn lại là 15.900.000 đồng. Vậy nên ông không biết bảo hiểm đó là gì. Ông cũng không giữ hợp đồng hoặc biên lai xác nhận nào. Số tiền còn lại ông nhận và đưa cho vợ ông sử dụng mua vật tư, sơn nước để buôn bán tại cửa hàng 501 Hùng Vương, An Sơn, Tam Kỳ, Quảng Nam. Thời gian đầu vợ con ông có chuyển trả góp được 3 kỳ với số tiền là 6.400.000 đồng. Còn những kỳ tiếp theo do ảnh hưởng của dịch Covid khó khăn, không buôn bán được. Bản thân ông thì bị tai nạn giao thông nên tạm đóng cửa hàng cho đến bây giờ hàng hóa vật tư vẫn còn tồn kho nên rất khó khăn về vấn đề trả nợ.

Tại phiên tòa, ông đồng ý còn nợ Công ty TNHH S Việt Nam số tiền 17.700.000 đồng, trong đó nợ gốc 13.648.000 đồng, tiền lãi 4.052.000 đồng, nhưng ông không nhớ ông có ký mua bảo hiểm hay không, ông làm ăn gặp khó khăn và bị tai nạn nhưng Công ty vẫn tính lãi đến ngày khởi kiện là không thông cảm cho người vay. Chiếc xe cầm cố thì đã bị mất, không còn. Đối với khoảng tiền còn nợ thì ông sẽ trả dần trong quá trình thi hành án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đầy đủ theo trình tự thủ tục các bước tiến hành tố tụng đúng quy

định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 309, 310, 314 Bộ luật dân sự, các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng. đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH S Việt Nam, buộc ông Lê Thanh Tr thanh toán cho Công ty Công ty TNHH S Việt Nam số tiền còn nợ là 17.700.000 đồng, trong đó nợ gốc 13.648.000 đồng, tiền lãi 4.052.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Công ty TNHH S Việt Nam và ông Lê Thanh Tr có ký kết Hợp đồng cầm cố tài sản. Ông Tr có nơi thường trú tại thành phố Tam Kỳ nên theo quy định tại Điều 26, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam thực hiện đầy đủ các bước tiến hành tố tụng giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Giữa Công ty TNHH S Việt Nam và ông Tr có ký kết Phiếu đăng ký kiêm Hợp đồng cầm cố số QNM210901001NA16X ngày 01-9-2021 theo quy định của pháp luật. Xét thấy, đây là sự thỏa thuận tự nguyện của các đương sự, hợp pháp nên được pháp luật công nhận.

Sau khi thỏa thuận được ký kết, thỏa thuận cầm cố với số tiền 16.900.000 đồng. Ông Tr đã rút và sử dụng tiền cầm cố nhưng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH S Việt Nam.

[2.2] Tại Bản trình bày gửi ý kiến, ông Tr cho rằng ông đã trả được cho Công ty số tiền là 6.400.000 đồng nhưng ông không nêu cụ thể trong đó bao nhiêu là tiền gốc, bao nhiêu là tiền lãi. Công ty thừa nhận ông Tr đã trả được 3 kỳ với số tiền 6.456.000 đồng (trong đó tiền gốc 3.252.000 đồng, tiền lãi 2.712.000 đồng, tiền phí chậm trả 492.000 đồng). Đến ngày 28-02-2022 thì ông Tr không tiếp tục trả nợ cho Công ty.

Tại các mục 2, 3, 4 phần I của Phiếu đăng ký kiêm Hợp đồng cầm cố thể hiện:

Số tiền đề nghị cầm cố: 16.900.000 đồng. Thời hạn cầm cố 12 tháng, từ ngày 01-9-2021 đến ngày 01-9-2022. Lãi suất cầm cố là: 1.1%/tháng trên dư nợ thực tế tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền. Ngoài ra còn thỏa thuận: phí thẩm định tài sản, phí phạt, phí chậm trả và các thỏa thuận khác.

Xét Phiếu đăng ký kiêm Hợp đồng cầm cố số QNM210901001NA16X ngày 01-9-2021, lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử xác định giữa Công ty TNHH S Việt Nam và ông Tr có xác lập hợp đồng vay tiền, biện pháp bảo đảm là cầm cố tài sản. Mặc dù hình thức của hợp đồng ghi là hợp đồng cầm cố tài sản, nhưng các thỏa thuận chủ yếu của các bên trong hợp đồng là giao kết hợp đồng vay tiền như là thỏa thuận về người vay, số tiền cho vay, lãi suất vay, ...và thỏa thuận biện pháp bảo đảm là cầm cố tài sản.

Theo quy định tại Điều 309 của Bộ luật Dân sự, cầm cố tài sản chỉ là một trong những biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, trong vụ án này là nghĩa vụ vay tiền. Như vậy, giao kết giữa các bên thực chất là giao kết hợp đồng vay tiền. Đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi, phù hợp quy định tại Điều 463 và khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự. Giao dịch dân sự được xác lập giữa các bên có hiệu lực theo quy định tại Điều 116 và Điều 117 của Bộ luật Dân sự.

Có cơ sở cho rằng ông Tr mới chỉ trả được 3.252.000 đồng tiền gốc cho Công ty TNHH S Việt Nam. Số tiền gốc còn lại ông chưa trả là 13.648.000 đồng. Công ty yêu cầu ông Tr phải trả tiền lãi, tiền phí chậm trả với số tiền là 4.052.000 đồng là phù hợp với các thỏa thuận tại Hợp đồng cầm cố tài sản nói trên.

Tại phiên tòa, ông Tr thừa nhận số tiền còn nợ Công ty TNHH S Việt Nam là 17.700.000 đồng, trong đó nợ gốc 13.648.000 đồng, tiền lãi 4.052.000 đồng và ông cho rằng ông đang gặp khó khăn nên sẽ trả dần số tiền nợ nói trên cho Công ty trong quá trình thi hành án. Qua công khai chứng cứ tại phiên tòa, ông Tr thừa nhận Phiếu thu có nội dung liên quan đến việc mua bảo hiểm ngày 01-9-2021 ông là người mua bảo hiểm và người nộp tiền, ông cũng thừa nhận chữ ký ghi họ tên trên Phiếu thu nói trên là của ông.

Hội đồng xét xử xét thấy, bị đơn ông Tr không có trách nhiệm về việc trả nợ vay, cố tình vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, cần buộc bị đơn ông Tr phải chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi nêu trên, lãi phát sinh cho Công ty TNHH S Việt Nam theo quy định của pháp luật, cụ thể: tổng cộng số tiền ông Tr còn nợ phải thanh toán cho Công ty TNHH S Việt Nam là 17.700.000 đồng, trong đó nợ gốc 13.648.000 đồng, tiền lãi 4.052.000 đồng.

Đối với tài sản cầm cố là chiếc xe Honda SH Mode mang biển số 92B1-255.62, số khung RLHJF511FY221742, số máy JF51E0366311, sau khi cầm cố thì ông Tr đã mượn lại xe để sử dụng, tuy nhiên đến nay ông Tr cho rằng chiếc xe đã bị mất, bên phía Công ty TNHH S Việt Nam cũng không biết chiếc xe này hiện đang ở đây và không có yêu cầu gì nên không xem xét.

[2.3] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Tr phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 309, 310, 314 Bộ luật dân sự; Điều 309, 357, Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468 và khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH S Việt Nam về tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản với ông Lê Thanh Tr.

2. Buộc ông Lê Thanh Tr phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH S Việt Nam tổng số tiền còn nợ là 17.700.000 (mười bảy triệu, bảy trăm nghìn) đồng, trong đó tiền nợ gốc 13.648.000 (mười ba triệu, sáu trăm bốn tám nghìn) đồng, tiền lãi và phí chậm trả là 4.052.000 (bốn triệu, không trăm năm hai nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

3. Về án phí: Buộc ông Lê Thanh Tr phải chịu 885.000 (tám trăm tám mươi lăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty TNHH S Việt Nam được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 450.000 (bốn trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0010191 ngày 22-5-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (18-8-2023).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND TP Tam Kỳ;
- Chi cục THADS TP Tam Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Văn Khôi

